Chuyên đề 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM

1. Vị trí, vai trò, chức năng, quyền và trách nhiệm, nguyên tắc tổ chức

và hoạt động, cơ cấu tổ chức của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

1.1. Vị trí

Trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011), Đảng ta xác định: “Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là tổ chức liên minh chính trị, liên hiệp tự nguyện của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội và các cá nhân tiêu biểu trong các giai cấp, tầng lớp xã hội, các dân tộc, tôn giáo và người Việt Nam định cư ở nước ngoài”1.

Điều này được luật hóa tại Điều 9, Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013, tái khẳng định tại Điều 1, Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII thông qua tại kỳ họp thứ 9 ngày 09/6/2015 và trong Điều lệ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là bộ phận của hệ thống chính trị của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Sự quy định này xuất phát từ thực tiễn và yêu cầu khách quan của sự nghiệp cách mạng, xuất phát từ thể chế chính trị: nước ta là nước dân chủ, mọi quyền lực thuộc về nhân dân. Đây còn là vấn đề lịch sử, truyền thống, từ khi có Đảng là có Mặt trận, Đảng vừa là thành viên, vừa là người lãnh đạo Mặt trận. Sau khi giành được chính quyền, Đảng, chính quyền, Mặt trận là những bộ phận hợp thành hệ thống chính trị.

1.2. Vai trò

Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt đánh giá cao vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nhất là trong sự nghiệp đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện những nhiệm vụ trọng đại của đất nước. Vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam được

1 Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, tr.86-87.

1

Đảng khẳng định trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) và được luật hóa tại Điều 9, Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013), Điều 1 Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (2015), tái khẳng định trong Điều lệ Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam: Mặt trận Tổ quốc là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là bộ phận không thể tách rời của hệ thống chính trị, có vai trò quan trọng trong việc củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tạo nên sự thống nhất cao về chính trị trong nhân dân, củng cố mối quan hệ mật thiết giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân, tạo nên nền tảng chính trị vững chắc để thực hiện thắng lợi chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam không phải tự Mặt trận khẳng định mà do chính nhân dân, chính lịch sử dân tộc từ ngày có Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo thừa nhận. Thực tiễn hơn 90 năm qua của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã chứng minh vai trò rất to lớn của Mặt trận trong toàn bộ đời sống xã hội. Hội Phản đế đồng minh (1930-1936), Mặt trận Dân chủ Đông Dương (1936-1939) là tiền đề để Mặt trận Việt Minh ra đời. Thắng lợi huy hoàng của Cách mạng tháng Tám năm 1945 gắn liền với sự nghiệp của Mặt trận Việt Minh. Tiếp theo Mặt trận Việt Minh là Mặt trận Liên Việt đã góp phần đưa cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đến thắng lợi. Kế tục Mặt trận Liên Việt, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ra đời đã đoàn kết, tập hợp các tầng lớp nhân dân tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, làm hậu thuẫn cho cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã cùng với Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam và Liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ và hòa bình Việt Nam đoàn kết nhân dân cả nước làm tròn sứ mệnh lịch sử vẻ vang: xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, giải phóng miền Nam, hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước. Từ khi đất nước thống nhất, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam giữ vai trò quan trọng trong việc củng cố và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, hội nhập quốc tế, vì mục tiêu “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng,

2

văn minh”, phấn đấu đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành nước phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

1.3. Chức năng

Chức năng của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam được xác định tại Điều 1 Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam như sau:

Một là, đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân. Hai là, tập hợp, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện dân

chủ, tăng cường đồng thuận xã hội.

Ba là, giám sát, phản biện xã hội.

Bốn là, tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước, hoạt động đối ngoại nhân dân

góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

1.4. Quyền và trách nhiệm

Quyền và trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam bao giờ cũng gắn liền với nhau không thể tách rời. Đây là vấn đề có tính nguyên tắc. Điều 3 Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quy định quyền và trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam như sau:

Một là, tập hợp, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện dân

chủ, tăng cường đồng thuận xã hội.

Tập hợp, xây dựng và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện dân chủ, tăng cường đồng thuận xã hội là quyền và cũng là trách nhiệm lớn nhất của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam góp phần thực hiện mục tiêu đã được Đảng ta xác định trong mỗi giai đoạn cách mạng. Nội dung này đã được luật hoá tại Chương II Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với nguyên tắc, phương thức tập hợp, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc và nhiệm vụ cụ thể của Mặt trận Tổ quốc cũng như của các tổ chức thành viên.

Đại đoàn kết toàn dân tộc là một trong những nội dung chủ đạo của tư tưởng Hồ Chí Minh, cũng là đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam. Đảng khẳng định: Đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng. Đại đoàn kết toàn dân tộc gắn với thực hiện dân chủ, tăng cường đồng thuận xã hội là nguồn

3

sức mạnh vô tận, động lực chủ yếu, là nhân tố có ý nghĩa quyết định bảo đảm thắng lợi bền vững của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Xây dựng và phát huy khối đại đoàn kết toàn dân tộc là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội; trong đó có vai trò đặc biệt quan trọng của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tập hợp, xây dựng, củng cố khối đại đoàn kết trên cơ sở vì lợi ích chung của dân tộc và bằng cách vận động, thuyết phục, hiệp thương dân chủ - thống nhất hành động của các thành viên. Vì vậy, tổ chức và hoạt động của Mặt trận là sự thống nhất từ đa dạng, không có sự đa dạng khác nhau thì không thành Mặt trận, nhưng không có sự tương đồng và thống nhất về lợi ích chung của Tổ quốc thì cũng không thành Mặt trận.

Hai là, tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện quyền làm chủ, thực hiện

đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Tuyên truyền, thuyết phục, vận động nhân dân thực hiện quyền làm chủ, thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước thực chất là công tác dân vận của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (và cũng là chức năng vận động nhân dân thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước thông qua các tổ chức thành viên và các cuộc vận động chung của các tổ chức chính trị - xã hội). Mặt trận tuyên truyền, thuyết phục, tổ chức vận động, các phong trào cách mạng mang tính toàn dân; phát huy dân chủ, thực hiện dân chủ ở cơ sở, quy ước ở khu dân cư, hoạt động hoà giải.... Để chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước được hiện thực hóa trong đời sống xã hội. Đó cũng là một trong những yếu tố quy định vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân.

Ba là, đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân.

Mặt trận là nơi thể hiện ý chí, nguyện vọng, tập hợp khối đại đoàn kết toàn dân, phát huy quyền làm chủ của nhân dân nên Mặt trận đại diện, bảo vệ lợi ích hợp pháp, chính đáng của các tầng lớp nhân dân. Đây vừa là chức năng, vừa là quyền và trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Mặt trận phối hợp tổ chức tiếp xúc cử tri của đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cùng cấp đảm

4

bảo đúng luật, hiệu quả; tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện quyền làm chủ, thực hiện đúng chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy chế dân chủ ở cơ sở, quy ước của khu dân cư; tiếp công dân, tham gia giải quyết khiếu nại, tố cáo, đặc xã theo quy định của pháp luật. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam từ cấp huyện trở lên có quyền cử bào chữa viên nhân dân để bào chữa cho người bị buộc tội là thành viên của tổ chức mình.

Bốn là, tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước.

Mặt trận tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước được quy định rõ trong Quyết định số 218-QĐ/TW của Bộ Chính trị ngày 12/12/2013 ban hành Quy định về việc Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội và nhân dân tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền. Tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước là trách nhiệm của mọi thành viên hệ thống chính trị và xã hội, trong đó Mặt trận đóng vai trò quan trọng. Căn cứ chức năng của mình, Mặt trận phát huy vài trò của các tổ chức thành viên, của nhân dân tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước từ việc xây dựng, thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến việc tham gia bầu cử, dự các kỳ họp Quốc hội, Hội đồng nhân dân, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, …

Thực hiện chức năng này, không chỉ đảm bảo góp phần làm cho Đảng và Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong sạch hơn, vững mạnh hơn, qua đó thực thi quyền làm chủ của nhân dân tốt hơn mà còn làm cho bản thân tổ chức Mặt trận mạnh hơn (bởi vì Đảng vừa là thành viên và cũng là hạt nhân lãnh đạo Mặt trận, còn Nhà nước là thiết chế đảm bảo các điều kiện cho hoạt động của mọi thành viên trong hệ thống chính trị).

Năm là, thực hiện giám sát và phản biện xã hội.

Giám sát và phản biện xã hội được quy định Quyết định số 217-QĐ/TW ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị về việc ban hành Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội. Quyền giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã được khẳng định trong Điều 9 Hiến pháp năm 2013, trong Chương V và Chương VI của Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Trong điều kiện một đảng duy nhất cầm quyền, hoạt

5

động giám sát và phản biện xã hội là nhu cầu tự thân đối với việc nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, góp phần thực hiện có hiệu quả phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”. Sự giám sát và phản biện xã hội từ phía nhân dân thông qua Mặt trận giúp Đảng và Nhà nước tránh được sự chủ quan, duy ý chí trong việc xác định đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật.

Mặt trận Tổ quốc là tổ chức rộng lớn nhất, đại diện cho mọi tầng lớp nhân dân. Thông qua hoạt động giám sát và phản biện xã hội, Mặt trận mới có thể giúp nhân dân kiểm soát một cách có hiệu quả việc sử dụng quyền lực đã ủy quyền cho các cơ quan quyền lực. Hoạt động giám sát và phản biện xã hội tạo ra sự chế ước từ bên ngoài để Đảng cầm quyền và Nhà nước không thể tùy tiện trong việc hoạch định đường lối, chính sách và tổ chức thực thi các quyết sách. Giám sát và phản biện xã hội góp phần vào việc giáo dục đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhất là đối với đảng viên về tư tưởng, đạo đức, lối sống, phong cách, ý thức và kỹ năng thực thi công vụ. Giám sát và phản biện xã hội là Mặt trận đã thực hiện sự ủy quyền của mọi tầng lớp nhân dân, của các tổ chức chính trị - xã hội góp phần để Mặt trận hoàn thành vai trò đại diện bảo vệ lợi ích hợp pháp, chính đáng của các tầng lớp nhân dân.

Sáu là, tập hợp, tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri và nhân dân để phản

ánh, kiến nghị với Đảng, Nhà nước.

Với chức năng của mình, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam có quyền và trách nhiệm tập hợp, phản ánh một cách kịp thời, trung thực, khách quan ý kiến, kiên nghị của cử tri và nhân dân về tất cả các vấn đề của đời sống xã hội mà cử tri và nhân dân quan tâm để báo cáo tại các kỳ họp của Quốc hội, các kỳ họp của Hội đồng nhân dân các cấp, phản ánh, kiến nghị với các cơ quan của Đảng, Nhà nước cùng cấp. Đồng thời, Mặt trận tổng hợp kết quả tiếp thu, giải quyết của các cơ quan Đảng, Nhà nước có thẩm quyền về ý kiến, kiến nghị của cử tri và nhân dân, thông báo cho cử tri và nhân dân được biết.

Bảy là, thực hiện hoạt động đối ngoại nhân dân.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với vị trí, vai trò của mình đi đầu trong việc tổ

6

chức các hoạt động đối ngoại nhân dân, góp phần hội nhập quốc tế, gắn kết sức mạnh dân tộc với sức mạnh của thời đại, thực hiện đường lối đối ngoại của Đảng.

1.5. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tổ chức và hoạt động theo những nguyên tắc sau: Một là, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tổ chức và hoạt động trong khuôn khổ

Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Hai là, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam được tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, hiệp thương dân chủ, phối hợp và thống nhất hành động giữa các thành viên. Khi phối hợp và thống nhất hành động, các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tuân theo Điều lệ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đồng thời vẫn giữ tính độc lập của tổ chức mình.

Ba là, Đảng Cộng sản Việt Nam vừa là tổ chức thành viên, vừa lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Những nguyên tắc nêu trên thể hiện rõ vị trí, vai trò, chức năng, tính ưu việt, nhất là tính chất liên minh chính trị, liên hiệp tự nguyện của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Tổ chức, hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phải trên cơ sở Hiến pháp, pháp luật, được thực hiện theo nguyên tắc tự nguyện, hiệp thương dân chủ, phối hợp và thống nhất hành động. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ở mỗi cấp là cơ quan chấp hành của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp, do Đại hội đại biểu Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp đó hiệp thương cử ra, có trách nhiệm tổ chức thực hiện nhiệm vụ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Các thành viên gia nhập Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trên cơ sở tự nguyện, tán thành Điều lệ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, được Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cùng cấp xem xét công nhận. Trong tổ chức và hoạt động của Mặt trận, các thành viên đều có quyền trình bày ý kiến của mình, cùng trao đổi bàn bạc, hiệp thương dân chủ để đạt sự nhất trí, không dùng mệnh lệnh, áp đặt. Nếu có những ý kiến khác nhau trên những vấn đề cụ thể thì cùng nhau trao đổi, thuyết phục, giúp nhau giải quyết. Khi phối hợp và thống nhất hành động, các thành viên phải thoả thuận với nhau về chương trình hành động chung và có nghĩa vụ phối hợp, giúp đỡ nhau để thực hiện chương trình hành động đã được thoả thuận, đồng thời các tổ chức

7

thành viên của Mặt trận vẫn giữ tính độc lập của tổ chức mình.

Để thực hiện tốt vị trí, vai trò, chức năng, quyền và trách nhiệm, trong tổ chức và hoạt động, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam nhất thiết phải đảm bảo sự lãnh đạo tập trung, thống nhất của Đảng Cộng sản Việt Nam, cũng là một thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

1.6. Hệ thống tổ chức

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam được tổ chức theo cấp hành chính.

Ở Trung ương có Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Ở địa phương có Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, tành phố trực thuộc Trung ương; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, phường, thị trấn. Ở mỗi cấp có Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Đại hội đại biểu Mặt trận Tổ quốc Việt Nam mỗi cấp là cơ quan hiệp thương cao nhất của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ở cấp đó. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ở mỗi cấp là cơ quan chấp hành giữa hai kỳ đại hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ở cấp đó.

\* Ở Trung ương:

Một là, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam do Đại hội đại biểu toàn quốc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hiệp thương dân chủ cử, là cơ quan chấp hành giữa 2 kỳ đại hội, bao gồm: người đứng đầu của tổ chức thành viên cùng cấp (trường hợp đặc biệt tổ chức thành viên mới cử lãnh đạo); Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh; một số cá nhân tiêu biểu trong các tổ chức, giai cấp, tầng lớp xã hội, dân tộc, tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, một số chuyên gia, nhà khoa học trên các lĩnh vực có liên quan đến hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; một số cán bộ chuyên trách ở cơ quan Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

8

được quy định tại Điều lệ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Hai là, Đoàn chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Đoàn chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam do Ủy ban

Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hiệp thương dân chủ cử trong số ủy viên Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, là đại diện của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam giữa hai kỳ họp. Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam gồm các vị: người đứng đầu hoặc đại diện lãnh đạo của tổ chức chính trị; người đứng đầu hoặc đại diện lãnh đạo của tổ chức chính trị - xã hội, một số tổ chức xã hội; một số cá nhân tiêu biểu trong các tầng lớp xã hội, trong các dân tộc, tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài và một số chuyên gia, nhà khoa học các lĩnh vực có liên quan đến hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; một số vị ủy viên Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là cán bộ chuyên trách ở cơ quan Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Nhiệm vụ, quyền hạn của Đoàn chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ

quốc Việt Nam được quy định tại Điều lệ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Ba là, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam do Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hiệp thương dân chủ cử trong số Ủy viên Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, là cơ quan đại diện Đoàn Chủ tịch giữa hai kỳ họp. Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam gồm có Chủ tịch, Phó Chủ tịch - Tổng thư ký và các Phó Chủ tịch chuyên trách.

Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận

Tổ quốc Việt Nam được quy định tại Điều lệ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. \* Ở địa phương:

Một là, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, cấp huyện.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, cấp huyện do Đại hội đại biểu

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, cấp huyện hiệp thương dân chủ cử, là cơ

9

quan chấp hành giữa hai kỳ đại hội, gồm: người đứng đầu tổ chức thành viên cùng cấp (trường hợp đặc biệt tổ chức thành viên mới cử đại diện lãnh đạo); Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp dưới trực tiếp; một số cá nhân tiêu biểu trong các tổ chức, các giai cấp, tầng lớp xã hội, dân tộc, tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài và một số chuyên gia các lĩnh vực có liên quan đến hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; một số cán bộ chuyên trách ở cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp.

Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, cấp

huyện được quy định tại Điều lệ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Hai là, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã do Đại hội đại biểu Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp hiệp thương dân chủ cư, là cơ quan chấp hành giữa hai kỳ đại hội, gồm: người đứng đầu của tổ chức thành viên cùng cấp (trong trường hợp đặc biệt tổ chức thành viên mới cử đại diện lãnh đạo); một số trưởng ban công tác Mặt trận; một số cá nhân tiêu biểu trong các tầng lớp xã hội, các dân tộc, tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài (nếu có) và một số chuyên gia các lĩnh vực có liên quan đến hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; một số cán bộ chuyên trách và không chuyên trách của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam khoá trước.

Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã được

quy định tại Điều lệ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Ba là, Ban Công tác Mặt trận ở khu dân cư.

Ban công tác Mặt trận được thành lập ở thôn, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc, tổ dân phố, khu phố, khối phố... (gọi tắt là khu dân cư) có nhiệm kỳ hai năm rưỡi, gồm: một số Ủy viên Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã cư trú ở khu dân cư; đại diện chi ủy; người đứng đầu của chi hội Người cao tuổi, chi hội Cựu chiến binh, chi hội Nông dân, chi hội Phụ nữ, chi đoàn Thanh niên, chi hội Chữ thập đỏ...; một số người tiêu biểu trong các tầng lớp nhân dân, dân tộc, tôn giáo...

Ban công tác Mặt trận ở khu dân cư do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã ra quyết định thành lập, có trưởng ban, phó trưởng ban và các thành viên.

Chức năng, nhiệm vụ của Ban Công tác Mặt trận ở khu dân cư được quy

10

định tại Điều lệ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

2. Quan hệ giữa Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với các tổ chức thành viên

và nhân dân 2.1.QuanhệgiữaMặttrậnTổquốcViệtNamvớiĐảngCộngsảnViệtNam Đảng Cộng sản Việt Nam vừa là tổ chức thành viên, vừa lãnh đạo Mặt trận

Tổ quốc Việt Nam. Đây là mối quan hệ có tính nguyên tắc, vừa đảm bảo sự lãnh đạo tuyệt đối, toàn diện của Đảng đối với hệ thống chính trị, vừa đảm bảo để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thực hiện đúng và phát huy tốt vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Mặt trận trong đời sống xã hội.

2.2. Quan hệ giữa Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với Nhà nước

Nhà nước không phải là thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam nhưng

Mặt trận và Nhà nước có mối quan hệ chặt chẽ, biện chứng.

Quan hệ giữa Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với Nhà nước là quan hệ phối hợp để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mỗi bên theo quy định của Hiến pháp, pháp luật và quy chế phối hợp công tác do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và cơ quan nhà nước có liên quan ở từng cấp ban hành.

Thủ tướng Chính phủ, bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm thông tin kịp thời cho Mặt trận Tổ quốc Việt Nam việc thực hiện chế độ báo cáo trước nhân dân về những vấn đề quan trọng thuộc trách nhiệm quản lý của mình theo quy định của Hiến pháp và pháp luật.

Cơ quan nhà nước có trách nhiệm xem xét, giải quyết và trả lời kiến nghị

của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam theo quy định của pháp luật.

Nhà nước tạo điều kiện để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hoạt động có hiệu quả.

2.3. Quan hệ giữa Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với các tổ chức thành viên

và các tổ chức khác

Quan hệ giữa Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam được thực hiện theo Điều lệ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Quan hệ giữa Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với tổ chức kinh tế, tổ

chức sự nghiệp, tổ chức không phải là thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

11

là quan hệ tự nguyện, được thực hiện theo quy định của pháp luật nhằm mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2.4. Quan hệ giữa Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với nhân dân

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân; mở rộng và đa dạng hóa các hình thức tập hợp đoàn kết nhân dân; động viên, hỗ trợ nhân dân thực hiện dân chủ, quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Nhân dân tham gia tổ chức và hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thông qua các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, cá nhân tiêu biểu là Ủy viên Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và tham gia các hoạt động do Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phát động, tổ chức.

Thông qua Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành, viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, nhân dân tham gia ý kiến, phản ánh, kiến nghị với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam về những vấn đề nhân dân quan tâm để phản ánh, kiến nghị với Đảng, Nhà nước.

Nhân dân giám sát hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam để bảo đảm Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thực hiện đầy đủ quyền và trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thường xuyên đổi mới nội dung và phương thức hoạt động để thực hiện trách nhiệm của mình với nhân dân theo quy định của Hiến pháp và pháp luật.

12

Chuyên đề 2

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CÔNG ĐOÀN VIỆT NAM

1. Vị trí, tính chất, vai trò, chức năng, nguyên tắc, tổ chức bộ máy của

Công đoàn Việt Nam

1.1. Vị trí của Công đoàn Việt Nam

Công đoàn Việt Nam là tổ chức chính trị - xã hội rộng lớn của giai cấp công nhân, đội ngũ trí thức và những người lao động tự nguyện lập ra nhằm mục đích tập hợp, đoàn kết lực lượng, xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam lớn mạnh; phát huy truyền thống đoàn kết quốc tế, vì hòa bình, dân chủ, độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội.

1.2. Tính chất của Công đoàn Việt Nam

Công đoàn Việt Nam có tính chất giai cấp của giai cấp công nhân và tính chất quần chúng, là thành viên của hệ thống chính trị do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, có quan hệ hợp tác với Nhà nước, phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội và các tổ chức xã hội khác; hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Về tính chất giai cấp công nhân của Công đoàn Việt Nam: Công đoàn Việt Nam đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Hoạt động của Công đoàn Việt Nam nhằm thực hiện mục tiêu chính trị của Đảng đề ra và thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân. Xây dựng tổ chức Công đoàn Việt Nam đảm bảo thống nhất hành động của giai cấp công nhân Việt Nam. Xây dựng đội ngũ cán bộ Công đoàn theo đường lối cán bộ của Đảng Cộng sản Việt Nam. Tổ chức và hoạt động Công đoàn quán triệt nguyên tắc tập trung dân chủ - một trong những nguyên tắc cơ bản tổ chức và hoạt động của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Về tính chất quần chúng của Công đoàn Việt Nam: Công đoàn Việt Nam kết nạp đông đảo công nhân, viên chức và lao động vào tổ chức công đoàn. Mọi công nhân, viên chức và lao động đều có quyền tự nguyện gia nhập và ra khỏi tổ chức công đoàn theo quy định của Điều lệ Công đoàn Việt Nam. Cơ quan lãnh đạo các cấp của Công đoàn Việt Nam bao gồm những người được quần chúng

13

người lao động tín nhiệm để đại diện cho họ. Nội dung hoạt động của Công đoàn Việt Nam đáp ứng yêu cầu và nguyện vọng của người lao động. Cán bộ Công đoàn trưởng thành từ phong trào công nhân, từ phong trào quần chúng ở cơ sở.

1.3. Vai trò của Công đoàn Việt Nam

Xuất phát từ yêu cầu, nhiệm vụ cách mạng trong từng giai đoạn, vai trò của tổ chức Công đoàn Việt Nam không ngừng phát triển, mở rộng. Trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, vai trò của Công đoàn Việt Nam thể hiện trên các lĩnh vực chủ yếu sau đây:

Trong lĩnh vực chính trị: Công đoàn có vai trò to lớn trong việc góp phần xây dựng và nâng cao hiệu quả của hệ thống chính trị - xã hội xã hội chủ nghĩa; tăng cường mối liên hệ mật thiết giữa Đảng và nhân dân, bảo đảm và phát huy quyền làm chủ của nhân dân [lao](http://webviet24h.com/thiet-ke-website-thuong-mai-dien-tu) động, từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm thực thi pháp luật và để Nhà nước thực sự là Nhà nước của dân, do dân và vì dân; để đảm bảo sự ổn định về chính trị của đất nước.

Trong lĩnh vực kinh tế: Công đoàn tham gia xây dựng hoàn thiện cơ chế quản lý kinh tế, góp phần củng cố những thành tựu kinh tế đã đạt được trong những năm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng. Công đoàn đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả hoạt động của các thành phần kinh tế trong đó kinh tế, hỗ trợ các thành phần kinh tế phát triển có lợi cho quốc kế dân sinh; đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, góp phần chủ động hội nhập với khu vực và thế giới.

Trong lĩnh vực tư tưởng - văn hoá: Công đoàn phát huy vai trò của mình trong việc giáo dục công nhân, viên chức và lao động nâng cao lập trường giai cấp, lấy chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, phát huy những giá trị cao đẹp, truyền thống văn hoá dân tộc và tiếp thu những thành tựu tiên tiến của văn minh nhân loại góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện.

Trong lĩnh vực xã hội: Công đoàn có vai trò quyết định trong tham gia xây dựng giai cấp công nhân vững mạnh cả về số lượng và chất lượng, không ngừng nâng cao trình độ giác ngộ chính trị, tính tổ chức kỷ luật, trình độ văn hóa, khoa

14

học kỹ thuật, trình độ lãnh đạo, quản lý, có nhãn quan chính trị, thực sự là lực lượng nòng cốt của khối liên minh công - nông - trí thức, làm nền tảng của khối đại đoàn kết toàn dân, là cơ sở vững chắc đảm bảo vai trò lãnh đạo của Đảng và tăng cường sức mạnh của Nhà nước.

1.4. Chức năng của Công đoàn Việt Nam

Công đoàn Việt Nam trung thành với lợi ích của giai cấp công nhân trên cơ sở gắn với lợi ích quốc gia, dân tộc; có các chức năng cơ bản sau:

Một là, đại diện cho người lao động, chăm lo và bảo vệ quyền, lợi ích hợp

pháp, chính đáng của người lao động; tham gia quản lý nhà nước, quản lý kinh tế

- xã hội.

Hai là, tham gia kiểm tra, thanh tra, giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp về những vấn đề liên quan đến quyền, nghĩa vụ của người lao động.

Ba là, tuyên truyền, vận động người lao động học tập, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp, chấp hành pháp luật, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

1.5. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Công đoàn Việt Nam

Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Công đoàn Việt Nam được quy định tại Điều lệ Công đoàn Việt Nam.

Một là, Công đoàn Việt Nam tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ; cơ quan lãnh đạo công đoàn các cấp do bầu cử lập ra, thực hiện tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, thiểu số phục tùng đa số, cấp dưới phục tùng cấp trên, cá nhân phục tùng tổ chức.

Hai là, cơ quan lãnh đạo cao nhất của Công đoàn Việt Nam là Đại hội đại biểu toàn quốc. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của mỗi cấp công đoàn là đại hội công đoàn cấp đó. Cơ quan lãnh đạo của công đoàn mỗi cấp giữa hai kỳ đại hội là Ban Chấp hành.

Ba là, nghị quyết của công đoàn các cấp được thông qua theo đa số và phải

được thi hành nghiêm chỉnh.

1.6. Hệ thống tổ chức công đoàn các cấp

Công đoàn Việt Nam là tổ chức thống nhất, có các cấp sau đây:

15

- Cấp Trung ương: Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam (sau đây gọi tắt là

Tổng Liên đoàn).

- Cấp tỉnh, ngành Trung ương gồm: Liên đoàn lao động tỉnh, thành phố trực

thuộc Trung ương; công đoàn ngành Trung ương và tương đương.

- Cấp trên trực tiếp cơ sở gồm: liên đoàn lao động huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là liên đoàn lao động cấp huyện); công đoàn ngành địa phương; công đoàn các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao (gọi chung là công đoàn các khu công nghiệp); công đoàn tổng công ty; công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở khác.

- Cấp cơ sở gồm: công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở (gọi chung là công

đoàn cơ sở).

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của công đoàn các cấp

2.1. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam có những nhiệm vụ, quyền hạn chủ

yếu sau đây:

Một là, quyết định chương trình, nội dung hoạt động của công đoàn nhằm thực hiện nghị quyết Đại hội Công đoàn Việt Nam và các nghị quyết của Đảng Cộng sản Việt Nam; chỉ đạo và hướng dẫn hoạt động của các cấp công đoàn. Tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ của tổ chức công đoàn. Chỉ đạo công tác nghiên cứu lý luận công đoàn, tổng kết thực tiễn về giai cấp công nhân và hoạt động công đoàn.

Hai là, tham gia quản lý nhà nước, quản lý kinh tế - xã hội; tham gia xây dựng chính sách, pháp luật và tham gia kiểm tra, thanh tra, giám sát thực hiện chế độ, chính sách, pháp luật về kinh tế - xã hội, lao động, việc làm, tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, an toàn, vệ sinh lao động và chính sách, pháp luật khác có liên quan đến người lao động và tổ chức công đoàn, quyền, nghĩa vụ của người lao động theo quy định của pháp luật; tổ chức, quản lý công tác nghiên cứu khoa học về lao động, công đoàn, an toàn, vệ sinh lao động; tham gia các ủy ban, hội đồng, ban chỉ đạo quốc gia về các vấn đề có liên quan đến người lao động.

16

Ba là, phối hợp với các cơ quan của Đảng, cơ quan của Nhà nước, doanh nghiệp, trong việc bồi dưỡng nâng cao trình độ văn hóa, chính trị, chuyên môn, nghề nghiệp cho đoàn viên và người lao động đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể ở trung ương tổ chức các phong trào thi đua yêu nước, tiến hành giám sát, phản biện xã hội và các hoạt động xã hội trong đoàn viên và người lao động.

Bốn là, quyết định phương hướng, biện pháp về công tác tổ chức, cán bộ; xây dựng cơ cấu tổ chức bộ máy, tiêu chuẩn chức danh cán bộ công đoàn; quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, quản lý, bố trí, sử dụng và thực hiện chính sách đối với cán bộ chuyên trách công đoàn theo phân cấp quản lý.

Năm là, hướng dẫn, chỉ đạo các hoạt động đại diện, chăm lo, bảo vệ đoàn viên và người lao động, các phong trào thi đua yêu nước và hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch của công đoàn các cấp.

Sáu là, mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế với các tổ chức công đoàn các nước,

các tổ chức quốc tế theo đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước. Bảy là, thực hiện quyền, trách nhiệm quản lý, sử dụng tài sản; hướng dẫn,

chỉ đạo công tác quản lý tài chính, tài sản và các hoạt động kinh tế công đoàn; thông qua quyết toán, dự toán tài chính công đoàn hằng năm theo quy định của pháp luật Nhà nước.

2.2. Nhiệm vụ, quyền hạn của liên đoàn lao động tỉnh, thành phố

Liên đoàn lao động tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có những nhiệm

vụ, quyền hạn chủ yếu sau đây:

Một là, tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ của tổ chức công đoàn. Tổ chức thực hiện các chỉ thị, nghị quyết, chỉ đạo của Tổng Liên đoàn và nghị quyết đại hội công đoàn tỉnh, thành phố; triển khai thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chủ trương, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng ở địa phương.

17

Hai là, đại diện, chăm lo và bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, người lao động trên địa bàn. Tham gia với cấp ủy đảng, cơ quan nhà nước tỉnh, thành phố về các chủ trương, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và các vấn đề có liên quan đến đời sống, việc làm và điều kiện làm việc của người lao động trên địa bàn; tổ chức phong trào thi đua yêu nước và các hoạt động xã hội. Nghiên cứu tham gia xây dựng pháp luật, các chế độ, chính sách lao động, tiền lương, an toàn, vệ sinh lao động, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các chế độ, chính sách khác có liên quan đến người lao động; tham gia cải cách hành chính, phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; tham gia xây dựng Đảng, chính quyền nhân dân trong sạch, vững mạnh.

Ba là, chủ động hoặc phối hợp với các cơ quan chức năng thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chế độ, chính sách, pháp luật có liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, người lao động trong các đơn vị sử dụng lao động; hướng dẫn và chỉ đạo giải quyết tranh chấp lao động, tham gia điều tra tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp trong các doanh nghiệp trên địa bàn.

Bốn là, chỉ đạo liên đoàn lao động cấp huyện, công đoàn ngành địa phương, công đoàn các khu công nghiệp, công đoàn tổng công ty trực thuộc và công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở khác thực hiện nhiệm vụ theo quy định.

Năm là, phối hợp hướng dẫn, chỉ đạo các công đoàn cơ sở trực thuộc công đoàn ngành trung ương và công đoàn cấp trên khác đóng trên địa bàn các hoạt động theo ngành, nghề; triển khai thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, chủ trương, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng ở địa phương.

Sáu là, vận động đoàn viên và người lao động học tập nâng cao trình độ chuyên môn, kiến thức pháp luật, rèn luyện tác phong và kỹ năng nghề nghiệp; quản lý và tổ chức các hoạt động văn hóa, thể dục thể thao, các cơ sở văn hóa công nhân, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giới thiệu việc làm và các trung tâm tư vấn - hỗ trợ người lao động của công đoàn theo quy định của Nhà nước và tổ chức Công đoàn.

18

Bảy là, thực hiện quy hoạch, quản lý, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và thực hiện chính sách đối với cán bộ được phân cấp quản lý; phối hợp với cấp ủy cấp huyện và tương đương trong việc sắp xếp, bố trí, đề bạt cán bộ theo phân cấp.

Tám là, hướng dẫn, chỉ đạo đại hội, hội nghị công đoàn cấp dưới; phát triển đoàn viên, quản lý đoàn viên; đánh giá, xếp loại tổ chức công đoàn hằng năm theo hướng dẫn của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn.

Chín là, thực hiện công tác đối ngoại theo quy định của Đoàn Chủ tịch Tổng

Liên đoàn.

Mười là, quản lý và sử dụng tài chính, tài sản và hoạt động kinh tế của công

đoàn theo quy định của pháp luật Nhà nước.

2.3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Công đoàn ngành Trung ương

Công đoàn ngành Trung ương có những nhiệm vụ, quyền hạn chủ yếu sau đây: Một là, tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật

của Nhà nước và nhiệm vụ của tổ chức Công đoàn. Triển khai thực hiện các chủ trương, nghị quyết của công đoàn cấp trên và nghị quyết đại hội công đoàn cùng cấp đến các tổ chức công đoàn, đoàn viên và người lao động thuộc phạm vi quản lý.

Hai là, đại diện, chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, người lao động thuộc ngành; đại diện người lao động thương lượng, ký thỏa ước lao động tập thể ngành.

Ba là, tham gia quản lý nhà nước, quản lý kinh tế - xã hội: nghiên cứu tham gia với bộ, ngành về chiến lược phát triển của ngành, gắn với việc xây dựng, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ công nhân lao động trong ngành; nghiên cứu tham gia xây dựng pháp luật, các chế độ, chính sách lao động, tiền lương, an toàn, vệ sinh lao động, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các chế độ, chính sách khác có liên quan đến người lao động cùng ngành, nghề; tham gia cải cách hành chính, phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước và công đoàn các cấp kiểm tra, giám sát việc thực hiện chế độ, chính sách, pháp luật liên quan đến quyền và lợi ích của đoàn viên và người lao động thuộc ngành; tham gia các hội đồng của ngành để giải quyết các vấn đề liên quan đến đoàn viên và người lao động; kiến nghị với cơ quan nhà nước sửa đổi, bổ sung và giải quyết những

19

chế độ, chính sách ngành, nghề đáp ứng yêu cầu phát triển ngành; phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước và công đoàn các cấp có liên quan hướng dẫn, tổ chức các phong trào thi đua yêu nước và các hoạt động xã hội phù hợp với đặc điểm ngành.

Bốn là, nghiên cứu, đề xuất với Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn về mô hình tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của mỗi cấp thuộc công đoàn ngành; hướng dẫn chỉ đạo đại hội công đoàn cấp dưới; thực hiện quy hoạch, quản lý, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và thực hiện chính sách cán bộ theo phân cấp.

Năm là, hướng dẫn, chỉ đạo công đoàn cấp dưới: triển khai các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, công đoàn cấp trên và nghị quyết đại hội công đoàn ngành trung ương; đại diện, chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, người lao động; thương lượng, ký thỏa ước lao động tập thể; tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật liên quan đến đoàn viên và người lao động, vận động đoàn viên, người lao động nâng cao trình độ, nghề nghiệp; tổ chức phong trào thi đua yêu nước và các hoạt động xã hội phù hợp với đặc điểm ngành; tham gia xây dựng Đảng, chính quyền nhân dân trong sạch, vững mạnh.

Sáu là, chủ động phối hợp với các liên đoàn lao động tỉnh, thành phố xây dựng quy chế phối hợp chỉ đạo, hướng dẫn công đoàn ngành địa phương thực hiện các nội dung về chế độ, chính sách lao động ngành; tuyên truyền, giáo dục truyền thống ngành; phương hướng nhiệm vụ phát triển ngành; thành lập công đoàn trong các doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước cùng ngành; phối hợp chỉ đạo các công đoàn trực thuộc công đoàn ngành đóng trên địa bàn tỉnh, thành phố tổ chức các hoạt động thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội của địa phương; chăm lo lợi ích, bảo vệ quyền lợi hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, người lao động, góp phần xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tiến bộ tại doanh nghiệp.

Bảy là, chỉ đạo phát triển đoàn viên, quản lý đoàn viên, vận động thành lập công đoàn cơ sở trong các doanh nghiệp cùng ngành. Đánh giá, xếp loại tổ chức công đoàn hằng năm theo hướng dẫn của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn.

Tám là, thực hiện công tác đối ngoại theo quy định của Đoàn Chủ tịch Tổng

Liên đoàn.

20

Chín là, quản lý và sử dụng tài chính, tài sản và hoạt động kinh tế của công

đoàn theo quy định của pháp luật Nhà nước.

2.4. Nhiệm vụ, quyền hạn của Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở

Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở có những nhiệm vụ, quyền hạn chủ yếu sau: Một là, đại diện, chăm lo và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của

đoàn viên và người lao động theo quy định của pháp luật.

Hai là, hướng dẫn, hỗ trợ ban chấp hành công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở về nghiệp vụ, kỹ năng, phương pháp, nội dung tổ chức thực hiện nhiệm vụ, các chủ trương, nghị quyết của công đoàn; tuyên truyền, vận động đoàn viên và người lao động thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nghĩa vụ của công dân và người lao động.

Ba là, hướng dẫn, hỗ trợ công đoàn cơ sở hoặc đại diện cho đoàn viên và

người lao động tổ chức đối thoại, thương lượng tập thể theo quy định của pháp luật.

Bốn là, chỉ đạo phát triển và quản lý đoàn viên, thành lập công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở; vận động, hỗ trợ thành lập công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở; tập huấn kỹ năng, nghiệp vụ cho cán bộ công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở; đánh giá, xếp loại tổ chức công đoàn hằng năm.

Năm là, tổ chức các phong trào thi đua yêu nước trong đoàn viên và người lao động; tham gia với chính quyền, chuyên môn đồng cấp các giải pháp phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương, đơn vị, doanh nghiệp; tham gia xây dựng Đảng, chính quyền nhân dân trong sạch, vững mạnh.

Sáu là, chủ động hoặc phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các chế độ, chính sách của người lao động; tham gia giải quyết khiếu nại, tố cáo, tranh chấp lao động.

Bảy là, xây dựng và tổ chức thực hiện quy chế phối hợp giữa các công đoàn

cấp trên trong việc chỉ đạo hoạt động của công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở.

Tám là, quản lý và sử dụng tài chính, tài sản công đoàn theo quy định của

pháp luật Nhà nước.

Chín là, thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định.

Mười là, thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác.

21

2.5. Nhiệm vụ, quyền hạn của Công đoàn cơ sở

Công đoàn cơ sở có những nhiệm vụ, quyền hạn chủ yếu sau đây:

Một là, tuyên truyền, vận động đoàn viên và người lao động thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước, nghĩa vụ của công dân; các chủ trương, nghị quyết của Công đoàn.

Hai là, đại diện, chăm lo và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của

đoàn viên và người lao động theo quy định của pháp luật Nhà nước.

Ba là, giám sát hoặc tham gia giám sát thực hiện chính sách, pháp luật, nội quy, quy chế, thỏa ước lao động tập thể và các vấn đề có liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên và người lao động theo quy định của pháp luật.

Bốn là, phối hợp với đơn vị sử dụng lao động xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp, cải thiện điều kiện làm việc và chăm sóc sức khỏe cho người lao động; tổ chức phong trào thi đua, hoạt động văn hóa, xã hội.

Năm là, tổ chức thực hiện nghị quyết của công đoàn các cấp, chấp hành Điều lệ Công đoàn Việt Nam; tổ chức đào tạo, bồi dưỡng đoàn viên và cán bộ công đoàn; quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của công đoàn theo đúng quy định; thực hiện công tác phát triển, quản lý đoàn viên; xây dựng công đoàn cơ sở vững mạnh; tham gia xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tiến bộ tại nơi làm việc; xây dựng cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp phát triển bền vững; tham gia xây dựng Đảng, chính quyền nhân dân trong sạch, vững mạnh.

22

Chuyên đề 3

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ HỘI NÔNG DÂN VIỆT NAM

1. Mục đích, vị trí, vai trò của Hội Nông dân Việt Nam

1.1. Mục đích

Hội Nông dân Việt Nam là tập hợp đoàn kết nông dân, xây dựng giai cấp nông dân vững mạnh về mọi mặt, xứng đáng là lực lượng tin cậy trong khối liên minh vững chắc công, nông, trí thức, bảo đảm thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn.

1.2. Vị trí

Hội Nông dân Việt Nam là tổ chức chính trị - xã hội của giai cấp nông dân

do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo.

Hội Nông dân Việt Nam là cơ sở chính trị của Nhà nước Cộng hoà xã hội

chủ nghĩa Việt Nam và là thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

1.3. Vai trò

Hội Nông dân Việt Nam đại diện, phát huy quyền làm chủ, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp của hội viên, nông dân. Nắm bắt và phản ánh tâm tư, nguyện vọng của nông dân với Đảng, Nhà nước và Hội cấp trên, trực tiếp tổ chức tuyên truyền vận động hội viên, nông dân thực hiện đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các nhiệm vụ công tác Hội.

2. Chức năng, nhiệm vụ, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Hội Nông

dân Việt Nam

2.1. Chức năng

Một là, tập hợp, tuyên truyền, giáo dục, vận động hội viên, nông dân phát

huy quyền làm chủ, tích cực học tập nâng cao trình độ, năng lực về mọi mặt.

Hai là, chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp của hội viên, nông dân; tổ chức các hoạt động dịch vụ, tư vấn, hỗ trợ nông dân trong sản xuất, kinh doanh và đời sống.

Ba là, đại diện giai cấp nông dân tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước và

khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

23

2.2. Nhiệm vụ

Với vị trí, vai trò, chức năng của mình, Hội Nông dân Việt Nam thực hiện

những nhiệm vụ chủ yếu sau đây:

Một là, tuyên truyền, vận động cán bộ, hội viên, nông dân hiểu và tích cực thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; nghị quyết, chỉ thị của Hội. Khơi dậy và phát huy truyền thống yêu nước, ý chí cách mạng, tinh thần tự lực, tự cường, lao động sáng tạo của nông dân.

Hai là, vận động, tập hợp, làm nòng cốt tổ chức các phong trào nông dân

phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng, an ninh; xây dựng nông thôn mới.

Ba là, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của hội viên, nông dân. Trực tiếp thực hiện và phối hợp thực hiện một số chương trình, đề án phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội nông thôn; hướng dẫn phát triển các hình thức kinh tế tập thể trong nông nghiệp, nông thôn. Tổ chức các hoạt động dịch vụ, tư vấn, hỗ trợ, đào tạo nghề và chuyển giao khoa học công nghệ giúp nông dân phát triển sản xuất, nâng cao đời sống, bảo vệ môi trường.

Bốn là, đoàn kết, tập hợp đông đảo nông dân vào tổ chức Hội, phát triển và nâng cao chất lượng hội viên. Xây dựng tổ chức Hội vững mạnh về mọi mặt; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ Hội đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và hội nhập quốc tế.

Năm là, tham gia xây dựng Đảng, chính quyền trong sạch, vững mạnh. Tham gia giám sát và phản biện xã hội theo quy chế; tham gia xây dựng cơ chế, chính sách liên quan đến nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Nắm bắt, phản ánh tâm tư, nguyện vọng của nông dân với Đảng và Nhà nước; bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp của hội viên, nông dân. Thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, giữ gìn đoàn kết trong nội bộ nông dân; tham gia xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí và các tệ nạn xã hội.

Sáu là, mở rộng hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế, tăng cường hợp tác, khai thác nguồn lực, học tập, trao đổi kinh nghiệm, tiến bộ khoa học kỹ thuật, quảng bá hàng hoá nông sản, văn hoá Việt Nam với bạn bè quốc tế.

24

Ngoài những nhiệm vụ chủ yếu nêu trên, Hội Nông dân Việt Nam còn phối hợp với các cơ quan Trung ương, các địa phương thực hiện một số nhiệm vụ chính trị có liên quan đến công tác vận động nông dân, các phong trào thi đua, các cuộc vận động.

2.3. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động

\* Nguyên tắc tập trung dân chủ trong hoạt động của cơ quan lãnh đạo Hội

các cấp:

Hội Nông dân Việt Nam tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tập trung

dân chủ; thiểu số phục tùng đa số, cấp dưới phục tùng cấp trên.

Hội nghị ban chấp hành, ban thường vụ chỉ hợp lệ khi có mặt hai phần ba (2/3) số ủy viên được triệu tập trở lên. Nghị quyết ban chấp hành, ban thường vụ chỉ có giá trị khi quá một phần hai (1/2) tổng số ủy viên ban chấp hành hay ban thường vụ được triệu tập biểu quyết đồng ý.

Trước khi biểu quyết, mỗi thành viên được phát biểu ý kiến của mình. Thành viên có ý kiến thuộc về thiểu số được quyền bảo lưu ý kiến và được báo cáo với Hội cấp trên trực tiếp. Khi chưa có ý kiến của Hội cấp trên trực tiếp, thành viên đó phải chấp hành nghị quyết của tập thể và không được truyền bá ý kiến cá nhân và làm trái với nghị quyết. Khi thi hành, phải thực hiện nghị quyết của tập thể.

\* Cơ quan lãnh đạo các cấp của Hội được bầu cử trực tiếp bằng phiếu kín: Việc bầu cử thực hiện theo Quy chế bầu cử trong hệ thống Hội Nông dân

Việt Nam.

Trong trường hợp bầu không có số dư, khi bầu lần thứ nhất chưa đủ số lượng cần bầu, nếu đại hội hoặc hội nghị quyết định tiếp tục bầu lần thứ hai để bổ sung đủ số lượng còn thiếu, thì lựa chọn và giới thiệu nhân sự trong diện số dư mà ban chấp hành cấp triệu tập đại hội hoặc hội nghị đã chuẩn bị (nếu có); không giới thiệu nhân sự vừa bầu không trúng cử ở lần thứ nhất.

Trường hợp những người bầu không trúng cử vào các cơ quan lãnh đạo của Hội các cấp tại Đại hội hoặc hội nghị thì ít nhất phải 6 tháng sau nếu đủ tiêu chuẩn, uy tín thì mới giới thiệu để bầu lại.

25

3. Hội viên Hội Nông dân Việt Nam

3.1. Đối tượng, điều kiện là hội viên

Hội viên Hội Nông dân Việt Nam là công dân Việt Nam từ đủ 18 tuổi trở lên, đang học tập, công tác và lao động trong các lĩnh vực liên quan trực tiếp đến nông nghiệp, nông dân, nông thôn, bao gồm:

Những người đang lao động trong các lĩnh vực nông nghiệp, tiểu thủ công

nghiệp, dịch vụ, thương mại, du lịch…

Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp… cấp xã trở lên (bao gồm cả cán bộ không chuyên trách cấp xã).

Cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động nghỉ

hưu sống ở nông thôn hoặc nơi có tổ chức Hội.

Các nhà khoa học, các doanh nhân, giám đốc hoặc chủ tịch hội đồng quản trị hợp tác xã trong các ngành nghề nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ, thương mại; cán bộ kỹ thuật, nghệ nhân…..

Học sinh đang học các trường trung học phổ thông; học sinh, sinh viên các trường trung cấp, cao đẳng, đại học là con em nông dân hoặc xuất thân từ nông thôn gắn bó với nông nghiệp, nông thôn.

Trí thức trẻ là con em nông dân, xuất thân từ nông thôn hoặc gắn bó với nông nghiệp, nông thôn; sản xuất, kinh doanh nông nghiệp, tổ hợp tác, hợp tác xã; đang công tác, nghiên cứu, hoạt động trong các cơ quan, tổ chức hợp pháp liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn.

3.2. Nhiệm vụ, quyền lợi của hội viên \* Nhiệm vụ:

Hội viên Hội Nông dân Việt Nam thực hiện tốt những nhiệm vụ chủ yếu sau:

Chấp hành Điều lệ, nghị quyết, chỉ thị của Hội, sinh hoạt và đóng hội phí đầy đủ theo quy định của Ban Thường vụ Trung ương Hội.

Gương mẫu và tuyên truyền, vận động nông dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội; đoàn kết tương trợ giúp đỡ lẫn nhau; thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở; xây

26

dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư, gia đình văn hoá; thực hiện nghĩa vụ công

dân, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Xây dựng tổ chức Hội vững mạnh; tuyên truyền, vận động phát triển hội viên; tham gia các hoạt động và phong trào nông dân ở địa phương, xây dựng quỹ hoạt động Hội.

Đối với hội viên là nhà khoa học, doanh nhân, cán bộ công tác ở các cơ quan, tổ chức liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp, nông dân, nông thôn; học sinh, sinh viên, trí thức trẻ còn có nhiệm vụ tích cực đóng góp công sức, tài năng, trí tuệ, ý tưởng vào việc xây dựng các chương trình, dự án, đề án, triển khai các hoạt động khoa học, xây dựng các mô hình và tổ chức các hoạt động của Hội thuộc lĩnh vực mà hội viên đó đang được đào tạo, nghiên cứu và công việc đang đảm nhận.

\* Quyền lợi:

Hội viên Hội Nông dân Việt Nam có một số quyền lợi cơ bản sau:

Một là, được dân chủ thảo luận và biểu quyết những công việc của Hội; phê bình chất vấn tổ chức và cán bộ Hội; đề đạt với tổ chức Hội và thông qua tổ chức Hội đề xuất với Đảng, Nhà nước về nguyện vọng hợp pháp, chính đáng của mình.

Hai là, được Hội hướng dẫn, giúp đỡ và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp,

chính đáng.

Ba là, được ứng cử, đề cử, bầu cử vào các cơ quan lãnh đạo của Hội.

Ngoài ra, còn có một số quyền lợi với hội viên đặc thù:

Đối với hội viên là các nhà khoa học, cán bộ, công chức, viên chức công tác ở các cơ quan, tổ chức liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp, nông dân, nông thôn; học sinh, sinh viên, trí thức trẻ nếu có chương trình, đề án, dự án, đề xuất, ý tưởng được lãnh đạo Hội Nông dân các cấp phê duyệt và được áp dụng trong thực tiễn mang lại hiệu quả thì được hưởng chế độ thù lao và khen thưởng theo quy định của Hội.

Đối với hội viên là học sinh, sinh viên nếu có công lao đóng góp tích cực, thiết thực, hiệu quả cho hoạt động của Hội thì được Hội Nông dân nơi trực tiếp quản lý hỗ trợ thông tin, kinh phí hoặc đỡ đầu một phần chi phí cho việc học tập tùy từng trường hợp và điều kiện cụ thể của từng địa phương; hàng năm, được

27

mời dự gặp mặt động viên và tặng quà.

Đối với hội viên là sinh viên có đóng góp tích cực, hiệu quả cho hoạt động của Hội, khi tốt nghiệp loại giỏi hoặc xuất sắc thì được các cấp Hội giới thiệu để dự thi tuyển vào các cơ quan chuyên trách của Hội Nông dân ở các cấp theo quy định khi có nhu cầu.

4. Cơ cấu tổ chức của Hội Nông dân việt Nam

4.1. Hệ thống tổ chức của Hội

Hội Nông dân Việt Nam được tổ chức theo bốn cấp hành chính, bao gồm: - Trung ương Hội Nông dân Việt Nam;

- Hội Nông dân Việt Nam cấp tỉnh (tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương); - Hội Nông dân Việt Nam cấp huyện (huyện, quận, thị xã, thành phố trực

thuộc tỉnh);

- Hội Nông dân Việt Nam cấp cơ sở (xã, phường, thị trấn và tương đương). Hội cơ sở có thể thành lập chi hội, tổ hội và các câu lạc bộ hội viên nông dân theo tính chất đặc thù.

4.2. Bộ máy lãnh đạo và cơ quan tham mưu của Hội \* Đại hội Hội Nông dân các cấp:

Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội Nông dân Việt Nam là Đại hội đại biểu

toàn quốc. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của mỗi cấp là đại hội cấp đó.

Số lượng và cơ cấu đại biểu đại hội cấp nào do ban chấp hành cấp trên trực tiếp hướng dẫn và do ban chấp hành cấp đó quyết định. Đại hội chỉ hợp lệ khi có mặt hai phần ba (2/3) tổng số hội viên (nếu là đại hội toàn thể hội viên) hoặc hai phần ba (2/3) tổng số đại biểu được triệu tập trở lên (nếu là đại hội đại biểu).

Đại biểu chính thức của đại hội gồm: Ủy viên ban chấp hành đương nhiệm của cấp đó, đại biểu do đại hội cấp dưới bầu lên, đại biểu do ban chấp hành cấp triệu tập đại hội chỉ định. Số đại biểu chỉ định không quá năm phần trăm (5%) tổng số đại biểu được triệu tập.

Đại hội các cấp có nhiệm vụ: Thảo luận và thông qua báo cáo của ban chấp hành nhiệm kỳ qua; quyết định phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ mới; đóng góp ý kiến vào các văn kiện đại hội cấp trên; bầu ban chấp hành khoá mới và bầu đại

28

biểu đi dự đại hội cấp trên. Đại hội đại biểu toàn quốc có nhiệm vụ sửa đổi, bổ

sung và thông qua Điều lệ Hội.

Nhiệm kỳ Đại hội các cấp là 5 năm. Trường hợp đặc biệt, đại hội nhiệm kỳ có thể triệu tập sớm hoặc muộn hơn thời gian quy định, nhưng không quá một năm và phải được Hội cấp trên trực tiếp đồng ý bằng văn bản.

\* Ban Chấp hành Hội Nông dân các cấp:

Số lượng và cơ cấu ban chấp hành cấp nào do ban chấp hành Hội cấp trên trực tiếp hướng dẫn và do đại hội cấp đó quyết định. Trong nhiệm kỳ, nếu số lượng ủy viên ban chấp hành khuyết thì hội nghị ban chấp hành hoặc hội nghị đại biểu bầu bổ sung. Số ủy viên ban chấp hành được bầu cử bổ sung cấp tỉnh và Trung ương không quá một phần hai (1/2) so với số ủy viên ban chấp hành do đại hội quyết định; cấp huyện và cấp cơ sở được bổ sung đủ số lượng ủy viên ban chấp hành mà đại hội đã quyết định (không giới hạn số lần bầu).

Ban chấp hành là cơ quan lãnh đạo giữa hai kỳ đại hội, ban chấp hành cấp dưới phải được ban chấp hành cấp trên trực tiếp công nhận. Ban chấp hành bầu ban thường vụ, bầu chủ tịch, các phó chủ tịch trong số ủy viên ban thường vụ. Số lượng và cơ cấu ban thường vụ do ban chấp hành quyết định, tổng số ủy viên ban thường vụ không quá một phần ba (1/3) tổng số ủy viên ban chấp hành, trường hợp khuyết được bầu bổ sung cho đủ số lượng. Thường trực (không phải là một cấp) gồm chủ tịch, các phó chủ tịch thay mặt ban thường vụ giải quyết công việc giữa hai kỳ hội nghị ban thường vụ theo nghị quyết, chủ trương của ban chấp hành, ban thường vụ.

Ban chấp hành bầu chủ nhiệm và ủy viên ủy ban kiểm tra cùng cấp để tham

mưu cho ban chấp hành về công tác kiểm tra của Hội.

Trường hợp cần thiết, sau khi thống nhất ý kiến với cấp ủy cùng cấp, ban thường vụ Hội cấp trên trực tiếp có quyền chỉ định ủy viên ban chấp hành, ủy viên ban thường vụ, các chức danh chủ chốt của Hội cấp dưới. Nhiệm kỳ của ban chấp hành, ban thường vụ, các chức danh chủ chốt được chỉ định không nhất thiết đủ 5 năm.

Ban Thường vụ Trung ương Hội thay mặt Ban Chấp hành Trung ương Hội

chỉ đạo các cấp Hội tổ chức thực hiện nghị quyết Đại hội và các nghị quyết của

29

Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Trung ương Hội. Ban Thường vụ Trung ương Hội thành lập Văn phòng, các Ban chuyên môn, đơn vị sự nghiệp làm tham mưu, giúp việc.

Ban Thường vụ Hội Nông dân các tỉnh, thành phố thành lập Văn phòng và các Ban chuyên môn, đơn vị sự nghiệp theo hướng dẫn của Ban Thường vụ Trung ương Hội và cấp ủy tỉnh, thành phố. Cấp huyện và cơ sở phân công cán bộ phụ trách các mặt công tác của Hội, hoặc thành lập các bộ phận, tổ chức kiêm nhiệm giúp việc khi cần.

Ban Chấp hành từ cấp huyện trở lên họp thường kỳ một năm hai lần, Ban chấp hành cơ sở họp thường kỳ một tháng một lần. Ban thường vụ cấp tỉnh, huyện và cơ sở họp thường kỳ một tháng một lần, Ban Thường vụ Trung ương Hội họp ít nhất ba tháng một lần. Khi cần thiết ban chấp hành, ban thường vụ các cấp họp bất thường. Hội nghị ban chấp hành, ban thường vụ chỉ hợp lệ khi có mặt hai phần ba (2/3) số ủy viên được triệu tập trở lên. Nghị quyết ban chấp hành, ban thường vụ có giá trị khi quá một phần hai (1/2) tổng số ủy viên ban chấp hành hay ban thường vụ được triệu tập biểu quyết đồng ý. Ủy viên ban chấp hành nghỉ hưu, nghỉ công tác hoặc chuyển công tác khác đương nhiên không còn là ủy viên của ban chấp hành.

Ủy viên ban chấp hành, ủy viên ban thường vụ xin rút khỏi ban chấp hành ở cấp nào do ban chấp hành cấp đó xem xét, đề nghị lên ban thường vụ cấp trên trực tiếp quyết định; đối với ủy viên Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Trung ương do Ban Chấp hành Trung ương quyết định.

\* Ủy ban Kiểm tra của Hội:

Ủy ban kiểm tra của Hội được thành lập từ Trung ương đến cấp cơ sở. Chủ nhiệm và ủy viên ủy ban kiểm tra do ban chấp hành bầu, được ban thường vụ Hội cấp trên trực tiếp công nhận. Nhiệm kỳ của ủy ban kiểm tra mỗi cấp theo nhiệm kỳ của ban chấp hành cùng cấp. Ủy ban kiểm tra có một số ủy viên ban chấp hành, song không quá một phần hai (1/2) số lượng ủy viên ủy ban kiểm tra. Số lượng ủy viên ủy ban kiểm tra mỗi cấp do Ban Thường vụ Trung ương Hội quy định.

Việc công nhận ủy ban kiểm tra do ban chấp hành cùng cấp đề nghị, ban

30

thường vụ Hội cấp trên trực tiếp quyết định. Việc cho rút tên trong danh sách ủy ban kiểm tra do ban chấp hành cùng cấp quyết định và báo cáo lên Hội cấp trên trực tiếp. Việc bổ sung và cho rút tên ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương Hội do Ban Chấp hành Trung ương Hội xem xét, quyết định.

Ở cơ quan Trung ương Hội, Hội Nông dân các tỉnh, thành phố có tổ chức bộ máy thường trực giúp việc ủy ban kiểm tra; ở cấp huyện, cơ sở, phân công cán bộ kiêm nhiệm các chức danh ủy ban kiểm tra của Hội.

31

Chuyên đề 4

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ VIỆT NAM

1. Vị trí, vai trò của Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam

Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam là tổ chức chính trị - xã hội trong hệ thống chính trị, có tư cách pháp nhân, đại diện cho quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của các tầng lớp phụ nữ Việt Nam; phấn đấu vì sự phát triển của phụ nữ và bình đẳng giới. Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam là thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, thành viên của Liên đoàn Phụ nữ dân chủ quốc tế và Liên đoàn các tổ chức Phụ nữ ASEAN.

2. Chức năng, nhiệm vụ của Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam

2.1. Chức năng:

- Đại diện chăm lo, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của các tầng lớp phụ nữ, tham gia xây dựng Đảng, tham gia quản lý Nhà nước.

- Đoàn kết, vận động phụ nữ thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính

sách, pháp luật của Nhà nước; vận động xã hội thực hiện bình đẳng giới.

2.2. Nhiệm vụ:

- Tuyên truyền, giáo dục phụ nữ về chính trị, tư tưởng, lý tưởng cách mạng, phẩm chất đạo đức, lối sống; thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước, phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc;

- Vận động, hỗ trợ phụ nữ nâng cao năng lực, trình độ, cải thiện đời sống vật

chất, tinh thần và xây dựng gia đình hạnh phúc;

- Tham mưu đề xuất, tham gia xây dựng, phản biện xã hội và giám sát việc thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước có liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của phụ nữ, gia đình, trẻ em và bình đẳng giới;

- Xây dựng, phát triển tổ chức Hội vững mạnh;

- Đoàn kết, hợp tác với phụ nữ các nước, các tổ chức, cá nhân tiến bộ trên

thế giới vì bình đẳng, phát triển và hòa bình.

32

3. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Hội Liên hiệp phụ nữ

Theo Điều 9 Điều lệ Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Hội được tổ chức và

hoạt động theo nguyên tắc sau:

- Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tự

nguyện, dân chủ, liên hiệp, thống nhất hành động.

- Cơ quan lãnh đạo Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp do bầu cử lập ra, tổ chức

và hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ.

4. Hệ thống tổ chức và tư cách pháp nhân của các cấp Hội

4.1. Hệ thống tổ chức

Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam gồm 4 cấp: - Cấp Trung ương;

- Cấp tỉnh (bao gồm Hội Liên hiệp Phụ nữ các tỉnh, thành phố trực thuộc

Trung ương và tương đương);

- Cấp huyện (bao gồm Hội Liên hiệp Phụ nữ các quận, huyện, thị xã, thành

phố thuộc tỉnh và tương đương);

- Cấp cơ sở (bao gồm Hội Liên hiệp Phụ nữ các xã, phường, thị trấn và tương

đương).

4.2. Tư cách pháp nhân của các cấp Hội

Trung ương Hội; Hội Liên hiệp Phụ nữ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Hội Liên hiệp Phụ nữ các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; Hội Liên hiệp Phụ nữ các xã, phường, thị trấn có tư cách pháp nhân độc lập, hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.

5. Hội viên Hội Liên hiệp phụ nữ

5.1. Điều kiện trở thành hội viên

Phụ nữ Việt Nam từ 18 tuổi trở lên; không phân biệt dân tộc, tôn giáo, nghề nghiệp, nơi làm việc, nơi cư trú; tán thành Điều lệ Hội và tự nguyện tham gia tổ chức Hội thì được công nhận là hội viên.

5.2. Nhiệm vụ và quyền của hội viên \* Nhiệm vụ của hội viên

Hội viên Hội Liên hiệp phụ nữ có các nhiệm vụ sau:

33

- Thứ nhất, thực hiện tốt nghĩa vụ công dân.

- Thứ hai, chấp hành Điều lệ Hội, tích cực tham gia sinh hoạt và các hoạt động Hội, đóng Hội phí theo quy định của Điều lệ.

- Thứ ba, học tập nâng cao năng lực, trình độ mọi mặt, giữ gìn uy tín và xây dựng tổ chức Hội vững mạnh.

- Thứ tư, đoàn kết, giúp nhau trong công tác, học tập, lao động, đời sống, xây dựng gia đình hạnh phúc, phấn đấu thực hiện bình đẳng giới.

\* Quyền của hội viên

Hội viên Hội Liên hiệp phụ nữ có các quyền sau:

- Thứ nhất, được dân chủ thảo luận và biểu quyết chủ trương, nhiệm vụ công tác Hội; được góp ý, đề đạt nguyện vọng với tổ chức Hội; được tham gia hoạt động, sinh hoạt Hội tại nơi cư trú và nơi làm việc.

- Thứ hai, được Hội hướng dẫn, hỗ trợ và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp,

chính đáng.

- Thứ ba, được ứng cử, đề cử, bầu cử các cơ quan lãnh đạo của Hội theo quy định.

6. Cơ quan lãnh đạo và cơ quan chuyên trách các cấp Hội

6.1. Cơ quan lãnh đạo các cấp Hội:

- Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội là Đại hội đại biểu Phụ nữ toàn quốc.

- Cơ quan lãnh đạo ở mỗi cấp Hội là Đại hội đại biểu hoặc Đại hội toàn thể hội viên của cấp đó.

- Giữa hai kỳ đại hội, cơ quan lãnh đạo mỗi cấp Hội là Ban Chấp hành cùng

cấp.

- Giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành, cơ quan lãnh đạo là Đoàn Chủ tịch hoặc

Ban Thường vụ cùng cấp.

6.2. Cơ quan chuyên trách các cấp Hội:

Trung ương Hội; Hội Liên hiệp Phụ nữ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Hội Liên hiệp Phụ nữ các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh là cơ quan tham mưu, giúp việc cho Ban Chấp hành, Đoàn Chủ tịch hoặc Ban Thường vụ cùng cấp.

34

Chuyên đề 5

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ ĐOÀN THANH NIÊN CỘNG SẢN HỒ CHÍ MINH

1. Vị trí, vai trò của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh

1.1. Vị trí

- Đoàn TNCS Hồ Chí Minh là một tổ chức chính trị - xã hội của thanh niên Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện;

- Đoàn là thành viên hệ thống chính trị, hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Trong hệ thống này Đảng là người lãnh đạo, Đoàn là một trong các tổ chức thành viên cùng Mặt trận Tổ quốc, Công đoàn, Hội Cựu chiến binh, ....

1.2. Vai trò

- Đoàn TNCS Hồ Chí Minh đội dự bị tin cậy của Đảng, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh là đội dự bị tin cậy của Đảng Cộng sản Việt Nam; là lực lượng xung kích cách mạng; là trường học xã hội chủ nghĩa của thanh niên; đại diện chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của tuổi trẻ; phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh; là lực lượng nòng cốt chính trị trong phong trào thanh niên và trong các tổ chức thanh niên Việt Nam.

- Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh là đội dự bị tin cậy của Đảng, là lực lượng đông đảo tham gia xây dựng và bảo vệ Đảng, bảo vệ chính quyền. Đoàn tích cực tham gia công tác phát triển đảng viên mới cho Đảng. Đoàn là nơi đào tạo đội ngũ cán bộ nguồn bổ sung lực lượng cán bộ nguồn cho Đảng, Nhà nước, hệ thống chính trị…

- Đoàn là chỗ dựa vững chắc, tham gia đóng góp xây dựng, bảo vệ chính quyền nhân dân; tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện đúng chính sách, pháp luật của Nhà nước; vận động đoàn viên thanh niên xung phong, tình nguyện đi đầu trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; trực tiếp tham gia có hiệu quả vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế. Đoàn tham gia

35

quản lý nhà nước, quản lý xã hội trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của mình, thông qua hệ thống tổ chức đoàn các cấp từ Trung ương đến cơ sở để để cử những đại biểu ưu tú nhất đại diện cho quyền lợi và tiếng nói của tuổi trẻ vào Quốc hội, hội đồng nhân dân các cấp. Đoàn vận động, tuyên truyền, giáo dục đoàn viên trở thành những công dân tốt, gương mẫu, có ích cho xã hội; tích cực, tự giác thực hiện nghiêm túc nghĩa vụ công dân, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật.

- Đoàn là lực lượng nòng cốt, giáo dục, định hướng thanh niên theo lý tưởng của Đảng. Đoàn tạo ra môi trường hoạt động lãnh mạnh cho thanh niên định hướng các hoạt động của thanh niên theo khuôn khí Hiến pháp, pháp luật; bảo vệ quyền lợi hợp pháp của thanh niên. Đoàn là nòng cốt chính trị trong các hội của thanh niên: Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam, Hội Sinh viên Việt Nam…

- Đoàn là người phụ trách, chăm sóc, giáo dục và bảo vệ thiếu niên nhi đồng. Đoàn cử đội ngũ cán bộ đoàn phụ trách công tác Đội; thành lập hệ thống tổ chức hội đồng đội các cấp có nhiệm vụ làm thường trực công tác thiếu nhi ở mỗi cấp; tạo ra các sân chơi cho thiếu nhi, huy động lực lượng xã hội trong việc đầu tư, hỗ trợ vật chất, kinh phí cho Đội hoạt động.

- Đoàn là lực lượng phối kết hợp với các tổ chức chính trị - xã hội khác (Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Công đoàn, Hội Cựu chiến binh…) góp phần thực hiện chiến lược đại đoàn kết toàn dân tộc. Đoàn cũng xây dựng các cơ chế hoạt động trong quản lý giáo dục, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của thanh thiếu niên.

2. Chức năng, nhiệm vụ của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh

2.1. Chức năng

Gồm có 4 chức năng cơ bản sau:

Chức năng thứ nhất: Đoàn TNCS Hồ Chí Minh là đội dự bị tin cậy, đội

quân xung kích của Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Đoàn TNCS là tổ chức do Đảng trực tiếp sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện. Đoàn bao gồm những thanh niên tiên tiến, tự nguyện phấn đấu thực hiện mục tiêu lý tưởng của Đảng, đó là những đoàn viên cộng sản trẻ tuổi, nguồn bổ sung quan trọng, đảm bảo cho Đảng phát triển không ngừng.

36

- Đoàn TNCS Hồ Chí Minh là tổ chức chính trị - xã hội của thanh niên, do thanh niên và vì thanh niên, do đó Đảng trực tiếp giao cho Đoàn giáo dục, giúp đỡ từ những thanh niên tiên tiến trở thành đoàn viên, từ những đoàn viên ưu tú trở thành đảng viên.

- Vì Đoàn là tổ chức quần chúng gần Đảng nhất – Đảng cho phép tổ chức Đoàn được thay mặt như một đảng viên chính thức khi giới thiệu đoàn viên ưu tú được kết nạp Đảng…

- Đoàn Thanh niên là đội quân xung kích cách mạng của Đảng, đi đầu trong mọi khó khăn trên tất cả mọi lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội như lời Bác đã khẳng định: “Đâu cần thanh niên có, việc gì khó có thanh niên”.

- Bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế, Đoàn càng thể hiện rõ chức năng của mình trong động viên đoàn viên, thanh niên phát huy vai trò xung kích, sáng tạo, đi đầu trong phát triển kinh tế - xã hội, phấn đấu vì sự nghiệp đổi mới của Đảng, xứng đáng là đội dự bị tin cậy của Đảng, là đội quân xung kích cách mạng, là nơi bồ sung nguồn sinh lực mới cho Đảng.

Chức năng thứ hai: Đoàn TNCS Hồ Chí Minh là trường học Xã hội chủ

nghĩa của thanh niên Việt Nam.

- Đây là chức năng cơ bản nhất cần được quán triệt trong công tác thanh niên nói chung và trong công tác Đoàn nói riêng. Hiệu quả giáo dục con người được Đoàn TNCS Hồ Chí Minh coi là thước đo khả năng thể hiện vị trí, vai trò của Đoàn trong thanh niên và trong xã hội.

- Trường học XHCN hiểu theo nghĩa rộng là môi trường giáo dục, rèn luyện, định hướng giá trị cho thanh niên theo lý tưởng của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh lựa chọn. Với chức năng này, Đoàn TNCS phải thông qua các nội dung phương thức hoạt động khác nhau, với nhiều loại hình giáo dục khác nhau để đoàn kết tập hợp, giáo dục thanh niên.

- Thực hiện tốt chức năng này có nghĩa là Đoàn đã đóng góp vai trò quan

trọng trong việc định hướng các giá trị xã hội chủ nghĩa cho tuổi trẻ.

37

Chức năng thứ ba: Đại diện và bảo vệ quyền lợi hợp pháp, chính đáng

của thanh thiếu niên.

- Chức năng này đã được xác định trong Án Nghị quyết (10/1930) của BCH Trung ương Đảng, là chức năng cơ bản đầu tiên khi chuẩn bị cho thành lập Đoàn TNCS.

- Chức năng này quyết định sự tồn tại hay không của Đoàn Thanh niên, vì bất kỳ một tổ chức nào ra đời trước hết cũng nhằm mục đích đại diện và bảo vệ lợi ích cho các thành viên của nó. Nhu cầu và lợi ích luôn gắn liền với mỗi con người trong đời sống xã hội. Bất kỳ một tổ chức chính trị - xã hội nào cũng không thể tồn tại và phát triển được nếu trong thực tiễn những hoạt động của nó không phản ánh được những nhu cầu và lợi ích ở những mức độ nhất định.

- Vì vậy, nếu xem nhẹ chức năng đại diện và bảo vệ quyền lợi của tuổi trẻ thì chắc chắn thanh niên sẽ xa rời tổ chức Đoàn, còn đoàn viên sẽ trở nên “chán” Đoàn, bỏ sinh hoạt Đoàn. Thực hiện tốt chức năng này là một điều kiện quan trọng quyết định sự tồn tại và phát triển của Đoàn TNCS.

Chức năng thứ tư: Phụ trách đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh. Đoàn có trách nhiệm giáo dục, bồi dưỡng thiếu niên, nhi đồng để bổ sung

lực lượng cho Đoàn, đội thiếu niên tiền phong là đội hậu bị của Đoàn cũng giống như Đoàn là đội hậu bị của Đảng. Do đó, Đoàn còn có chức năng phụ trách đội thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh.

2.2. Nhiệm vụ

- Đoàn kết tập hợp rộng rãi các tầng lớp thanh niên.

+ Đoàn kết, tập hợp rộng rãi các tầng lớp thanh niên, thực hiện tốt vai trò nòng cốt, định hướng chính trị trong việc xây dựng tổ chức hoạt động của Hội LHTN, Hội sinh viên Việt Nam…nhằm đưa thanh niên vào trong tổ chức của Hội và Đoàn cùng phấn đấu vì sự nghiệp xây dựng nuớc Việt Nam dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

+ Việc tập hợp lực lượng thanh niên, đưa họ vào trong các tổ chức của Hội, của Đoàn là bước khởi đầu quan trọng tạo nên sức mạnh vật chất và tinh thần của Đoàn TNCS, tạo ra mối quan hệ chặt chẽ với quần chúng thanh niên nói riêng và

38

với quần chúng nhân dân nói chung. V.I Lênin đã cho chúng ta rằng: “Đừng quên rằng sức mạnh của một tổ chức Cách mạng là ở số lượng những mối liên hệ của nó”.

- Giáo dục lý tưởng cách mạng cho thế hệ trẻ.

+ Giáo dục lý tưởng XHCN cho đoàn viên, thanh niên thông qua các phong trào hành động cách mạng. Mảng hoạt động giáo dục là sợi chỉ đỏ xuyên suốt quá trình hoạt động của Đoàn - đối tượng giáo dục chủ yếu là đoàn viên, thanh niên - lực lượng to lớn, có vị trí vai trò rất quan trọng trong việc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, suy cho cùng là hình thành bộ mặt nhân cách con người trong xã hội mới phù hợp với đòi hỏi của sự nghiệp CNH, HĐH đất nước. Nội dung công tác giáo dục rất phong phú, bao gồm:

+ Giáo dục chính trị tư tưởng: Giáo dục Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; Giáo dục luật pháp, lối sống, nếp sống; Giáo dục về khoa học kỹ thuật công nghệ, về dân số - sức khoẻ - môi trường; Giáo dục về phát huy, giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc; Giáo dục truyền thống Cách mạng.

+ Tham gia công tác giáo dục thanh niên phải thông qua những phong trào, những hành động Cách mạng cụ thể. Đoàn không thể chỉ nói suông, giáo dục mang tính kinh viện, giáo điều mà phải tổ chức, đưa thanh niên vào các phong trào hành động cách mạng, qua các công việc và phong trào thiết thực đáp ứng nhu cầu, nguyện vọng của tuổi trẻ. Kết hợp chặt chẽ nguyên lý giáo dục: Học đi đôi với hành, lý luận gắn liền với thực tiễn.

+ Tổ chức các phong trào hành động cách mạng trong thanh thiếu nhi.

+ Phụ trách, chăm sóc, giáo dục thiếu niên, nhi đồng.

+ Đoàn tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền.

- Tổ chức các phong trào hành động cách mạng trong thanh niên.

Thông qua các phong trào hành động cách mạng, Đoàn phát huy vai trò, sức mạnh cũa thanh niên trên các lĩnh vực, địa bàn tham gia phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Thông qua việc tổ chức các phong trào hành động cách mạng, Đoàn còn tạo môi trường trang bị những

39

kiến thức thực tiễn, rèn luyện những phẩm chất, góp phần hình thành nhân cách của thế hệ thanh niên đáp ứng yêu cầu của từng thời kỳ khác nhau.

- Củng cố, xây dựng tổ chức Đoàn vững mạnh.

Muốn khẳng định vai trò của tổ chức mình, Đoàn phải tự xây dựng tổ chức mình ngày càng phát triển vững mạnh, nội dung này cần tập trung vào xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ các cấp có năng lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của từng thời kỳ. Đoàn phải quan tâm đến công tác phát triển đoàn viên, nâng cao chất lượng đoàn viên, để mỗi đoàn viên thực sự là những thanh niên tiên tiến trong các lĩnh vực. Bên cạnh đó, Đoàn phải tích cực, chủ động đổi mới nội dung, phương thức hoạt động cho phù hợp với sự phát triển của đất nước và tình hình thanh niên. Các hoạt động của Đoàn tổ chức phải thực sự hấp dẫn, sinh động, thiết thực, hiệu quả mới thu hút được thanh niên tham gia. Với vai trò là nòng cốt chính trị, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có nhiệm vụ củng cố xây dựng Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam, Hội Sinh viên Việt Nam ngày càng phát triển để tập hợp rộng rãi các tầng lớp thanh niên, vừa phát huy, vừa đồng hành với thanh niên. Phương châm là xây dựng “Đoàn vững, Hội rộng”.

- Chăm sóc, giáo dục thiếu niên nhi đồng.

Thực hiện nhiệm vụ này, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có trách nhiệm cử cán bộ làm công tác phụ trách Đội, định hướng, hướng dẫn các hoạt động cho các em thiếu nhi; tổ chức các hoạt động giáo dục thiếu nhi để các em học tập, vui chơi, rèn luyện phát triển, hoàn thiện nhân cách và các kỹ năng cần thiết trong cuộc sống. Đoàn huy động các nguồn trong xã hội để khuyến khích, chăm lo, hỗ trợ các hoạt động của thiếu nhi.

- Tham gia xây dựng, bảo vệ Đảng và hệ thống chính trị ở nước ta.

Tổ chức Đoàn có trách nhiệm tuyên truyền, giáo dục, vận động đoàn viên thanh niên tích cực đi đầu thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và hoạt động, phong trào của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị xã hội khác. Đoàn tham gia giám sát, phản biện xã hội trong việc thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước theo quy định. Đoàn giáo dục, bồi dưỡng đoàn viên ưu tú để

40

giới thiệu cho Đảng xem xét kết nạp, cán bộ đoàn là nguồn cán bộ trẻ có chất lượng, bổ sung cho Đảng và hệ thống chính trị.

3. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ

Chí Minh

Tại Điều 5, Điều lệ Đoàn được Đại hội Đoàn toàn quốc khóa XI khẳng định, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ:

Cơ quan lãnh đạo các cấp của Đoàn do bầu cử lập ra, thực hiện theo nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách.

Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đoàn là đại hội đại biểu toàn quốc. Cơ quan lãnh đạo Đoàn ở mỗi cấp là đại hội đại biểu hoặc đại hội đoàn viên ở cấp ấy. Giữa hai kỳ Đại hội, cơ quan lãnh đạo là Ban Chấp hành do đại hội Đoàn cùng cấp bầu ra, giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành, cơ quan lãnh đạo là Ban Thường vụ do Ban Chấp hành cùng cấp bầu ra. Số lượng ủy viên Ban Chấp hành cấp nào do Đại hội cấp đó quyết định theo hướng dẫn của Ban Thường vụ Trung ương Đoàn, số lượng ủy viên Ban Thường vụ không quá một phần ba (1/3) số lượng ủy viên Ban Chấp hành. Ở cấp Trung ương, số lượng Bí thư Trung ương Đoàn không quá một phần ba (1/3) số lượng ủy viên Ban Thường vụ.

Nghị quyết của Đoàn phải được chấp hành nghiêm chỉnh, cấp dưới phục từng

cấp trên, thiểu số phục tùng đa số, cá nhân phục tùng tổ chức.

Trước khi quyết định các công việc và biểu quyết nghị quyết của Đoàn các thành viên đều được cung cấp thông tin và phát biểu ý kiến của mình, ý kiến thuộc về thiểu số được quyền bảo lưu và báo cáo lên Đoàn cấp trên cho đến Đại hội đại biểu toàn quốc, song phải nghiêm chỉnh chấp hành nghị quyết hiện hành.

Đại hội, hội nghị của các cơ quan lãnh đạo của Đoàn chỉ có giá trị khi có ít

nhất hai phần ba (2/3) số thành viên được triệu tập tham dự.

Trường hợp thành viên được triệu tập theo cơ chế đại biểu thì phải có ít nhất hai phần ba (2/3) số đại biểu và thay mặt cho ít nhất hai phần ba (2/3) số tổ chức Đoàn trực thuộc tham dự. Quyết định của đại hội, hội nghị chỉ có giá trị khi được sự đồng ý của trên một phần hai (1/2) số thành viên có mặt.

41

4. Hệ thống tổ chức của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh

Theo quy định tại Điều 6, Điều lệ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, hệ thống tổ chức của Đoàn gồm 4 cấp:

Cấp Trung ương, gồm: Ban Chấp hành Trung ương Đoàn, Ban Thường vụ Trung ương Đoàn, Ban Bí thư Trung ương Đoàn. Ở cấp Trung ương có Cơ quan Trung ương Đoàn, có các Ban chuyên môn giúp việc cho Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Bí thư Trung ương Đoàn. Ngoài ra ở còn có các đơn vị sự nghiệp Giáo dục đào tạo, nghiên cứu, báo chí, sự nghiệp và doanh nghiệp trực thuộc cơ quan Trung ương Đoàn để thực hiện các chức năng, nhiệm vụ do Ban Bí thư Trung ương Đoàn giao.

Cấp tỉnh và tương đương: hiện nay có 63 tỉnh, thành Đoàn, 04 Đoàn tương đương trực thuộc gồm Đoàn Khối cơ quan Trung ương, Đoàn Khối doanh nghiệp Trung ương, Đoàn Thanh niên Bộ Công An, Ban Thanh niên Quân đội. Cơ quan lãnh đạo ở Đoàn cấp tỉnh là Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, thường trực Tỉnh đoàn (Bí thư, Phó Bí thư Tỉnh đoàn và tương đương). Ở mỗi Đoàn cấp tỉnh và tương đương có cơ quan Tỉnh đoàn và tương đương với các Ban chuyên môn giúp việc và một số đơn vị sự nghiệp thực hiện chức năng được Đoàn cấp tỉnh giao nhiệm vụ.

Cấp huyện và tương đương: có cơ quan lãnh đạo là Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và thường trực Đoàn cấp huyện và tương đương (Bí thư, Phó Bí thư Huyện đoàn và tương đương). Mỗi Đoàn cấp huyện thường có cơ quan giúp việc với một số cán bộ phụ trách các mặt công tác.

Đoàn cấp cơ sở: gồm Đoàn cơ sở và chi đoàn cơ sở được thành lập ở đơn vị hành chính cấp xã và các cơ quan, doanh nghiệp... Đoàn cơ sở và chi Đoàn cơ sở có Ban Chấp hành, Ban Thường vụ (đối với Đoàn cơ sở), Bí thư, phó Bí thư chịu trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện các hoạt động, phong trào thu hút đoàn viên, thanh niên tham gia.

42

Chuyên đề 6

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ HỘI CỰU CHIẾN BINH VIỆT NAM

1. Sự ra đời của Hỗi cựu chiến binh Việt Nam

Xuất phát từ tình hình, nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới và đáp ứng nguyện vọng thiết tha, chính đáng của đông đảo cựu chiến binh Việt Nam, ngày 6-12- 1989, Bộ chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa VI đã quyết định cho9 thành lập Hội Cựu chiến binh Việt Nam, từ đó ngày 6-12 hàng năm thành ngày truyền thống của Hội Cựu chiến binh Việt Nam.

Hội viên Hội Cựu chiến binh theo Hướng dẫn số 21/HD-CCB ngày 26-6-

2018 về thi hành Điều lệ Hội Cựu chiến binh Việt Nam bao gồm 9 đối tượng:

- Một là, các cán bộ, chiến sĩ đã tham gia đơn vị vũ trang do Đảng Cộng sản

Việt Nam tổ chức trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

- Hai là, cán bộ, chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam là bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, bộ đội biên phòng, biệt động đã tham gia kháng chiến chống ngoại xâm, bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế, nay đã xuất ngũ, phục viên, chuyển ngành, nghỉ hưu.

- Ba là, cán bộ, chiên sỹ, dân quân, du kích, tự vệ tập trung ở Miền Bắc từ ngày 27-3-1973 trở về trước đã tham gia chiến đấu, phục vụ chiến đấu ở các đơn vị tập trung.

Cán bộ, chiến sĩ, dân quân, du kích, giao liên ở Miền Nam từ ngày 30-4 năm 1975 trở về trước, đã tham gia chiến đấu, trực tiếp phục vụ chiến đấu theo sự quản lý, phân công hoặc giao nhiệm vụ của tổ chức, cơ sở cách mạng có thẩm quyền.

Cán bộ, chiến sĩ, dân quân tự vệ đã tham gia chiến đấu, trực tiếp phục vụ chiến đấu ở các đơn vị tập trung theo quyết định thành lập hoặc giao nhiệm vụ của cơ quan đơn vị có thẩm quyền sau ngày 30-4-1975.

- Bốn là, công nhân viên quốc phòng đã tham gia chiến đấu, trực tiếp phục vị chiến đấu trong thời ký chiến tranh giải phóng và bảo vệ Tổ quốc.

- Năm là, sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp (kể cả cảnh sát biển) hoàn thành

nhiệm vụ trong quân đội đã xuất ngũ, chuyển ngành, nghỉ hưu, thôi việc...

43

- Sáu là, hạ sĩ quan, binh sĩ đã hoàn thành nhiệm vụ quân sự tại ngũ về định

cư tại địa bàn miền núi, biên giới, hải đảo, địa bàn dân tôc thiểu số.

- Bảy là, những quân nhân hoàn thành nhiệm vụ ở tuyến đầu biên giới, hải

đảo với thời gian công tác từ 12 tháng trở lên.

- Tám là, những quân nhân trong quá trình làm nghĩa vụ quân sự tại ngũ, có thành tích xuất sắc được khen thưởng; quân nhân hoàn thành nghĩa vụ quân sự tại ngũ khi ra quân là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam hoặc được tổ chức đảng có thẩm quyền ở địa phương, cơ quan, đơn vị kết nạp vào Đảng.

- Chín là, những quân nhân và cựu quân nhân được bộ quốc phòng đào tạo tành sĩ quan dự bị, được phong hàm sĩ quan dự bị trước khi ra quân; những quân nhân khi ra quân đi học đại học, cao đảng... sau đó được Bộ quốc phòng đào tạo thành sĩ quan dự bị; những quân nhân trở về địa phương được đào tạo thành sĩ quan dự bị.

2. Vị trí, vai trò của Hội Cựu chiến binh Việt Nam

- Hội Cựu chiến binh Việt Nam là một đoàn thể chính trị - xã hội, thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân. Khoản 2, Điều 9, Hiến pháp 2013 quy định: “Công đoàn Việt Nam, Hội nông dân Việt Nam, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Hội cựu chiến binh Việt Nam là các tổ chức chính trị - xã hội được thành lập trên cơ sở tự nguyện, đại diện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của thành viên, hội viên tổ chức mình; cùng các tổ chức thành viên khác của Mặt trận phối hợp và thống nhất hành động trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam".

- Hội Cựu chiến binh Việt Nam là một tổ chức chính trị - xã hội nằm trong hệ thống chính trị do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Hội Cựu chiến binh Việt Nam là cầu nối giữa cựu chiến binh với Đảng, Nhà nước và nhân dân; là trường học bồi dưỡng, chăm sóc những nhân tố tích cực trong tổ chức của mình.

- Hội Cựu chiến binh Việt Nam là lực lượng nòng cốt trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

3. Chức năng, nhiệm vụ của Hội Cựu chiến binh Việt Nam

3.1. Chức năng

44

Điều 3 Điều lệ Hội Cựu chiến binh Việt Nam chỉ rõ: “Hội Cựu chiến binh Việt Nam có chức năng đại diện ý chí, nguyện vọng và quyền lợi chính đáng, hợp pháp của cựu chiến binh. Hội tham mưu giúp cấp uỷ Đảng và làm nòng cốt tập hợp, đoàn kết, vận động cựu chiến binh thực hiện các nhiệm vụ chính trị - xã hội của cách mạng và của Hội; tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền; giám sát và phản biện xã hội đối với hoạt động của cơ quan nhà nước, đại biểu dân cử và cán bộ, công chức, viên chức nhà nước”.

- Đại diện ý chí, nguyện vọng và quyền lợi chính đáng, hợp pháp của cựu

chiến binh.

+ Là tổ chức chính trị - xã hội trong hệ thống chính trị do Đảng lãnh đạo, Hội Cựu chiến binh Việt Nam là tổ chức đại diện cho ý chí, nguyện vọng của cựu chiến binh. Ý chí nguyện vọng lớn của cựu chiến binh là tiếp tục sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc do Đảng lãnh đạo; gắn bó với chính quyền, các đoàn thể nhân dân, góp phần giáo dục lòng yêu nước, chủ nghĩa anh hùng cách mạng cho thế hệ trẻ.

+ Việc bảo vệ quyền lợi chính đáng, hợp pháp của cựu chiến binh đã được pháp luật, Pháp lệnh Cựu chiến binh quy định; đồng thời cũng là biện pháp cơ bản để động viên cựu chiến binh thực hiện nghĩa vụ của mình, góp phần vào sụư nghiệp cách mạng của Đảng của dân tộc.

- Hội Cựu chiến binh làm tham mưu cho cấp uỷ Đảng trên các mặt công

tác sau:

+ Tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng, đời sống của cựu chiến binh, tình hình xây dựng, hoạt động của Hội, báo cáo với cấp uỷ Đảng theo chế độ định kỳ hoặc báo cáo kịp thời khi có tình hình đột xuất, kiến nghị với cấp uỷ Đảng, chính quyền về biện pháp chỉ đạo.

+ Chủ động đề xuất ý kiến với cấp uỷ Đảng về động viên, phát huy tiềm năng của cựu chiến binh và các đoàn thể chính trị - xã hội khác, góp phần thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ của địa phương, đơn vị, xử lý các vấn đề mới nảy sinh trên địa bàn.

45

+ Đoàn kết, vận động cựu chiến binh ra sức thực hiện thắng lợi các chủ trương, đường lối của Đảng, các nghị quyết của Đảng và cấp uỷ Đảng ở địa phương, đơn vị.

+ Là cầu nối giữa Đảng với cựu chiến binh, các cấp Hội luôn luôn là chỗ dựa

tin cậy của các cấp uỷ Đảng, chính quyền các cấp, nhất là cơ sở.

- Tham gia giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước, đại biểu dân cử và

cán bộ, công chức, viên chức nhà nước.

+ Hội Cựu chiến binh góp phần thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở, đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí và các tệ nạn xã hội, tham gia xây dựng Đảng, chính quyền ở cơ sở trong sạch, vững mạnh.

+ Tư vấn, hiến kế giúp cấp uỷ Đảng và chính quyền địa phương, đơn vị về chủ trương, chính sách và biện pháp thực hiện, góp phần giám sát hoạt động của chính quyền các cấp, đại biểu dân cử và cán bộ viên chức nhà nước.

3.2. Nhiệm vụ

Đại hội lần thứ VI Hội Cựu chiến binh Việt Nam đã đề ra tám nhiệm vụ

nhiệm vụ của Hội trong nhiệm kỳ 2017 - 2022 là:

Một là, tiếp tục vận động cựu chiến binh đoàn kết, giữ vững và phát huy bản chất truyền thống "Bộ đội Cụ Hồ", tích cực tham gia xây dựng, bảo vệ Đảng, Nhà nước, Nhân dân và chế độ xã ghội chủ nghĩa là nhiệm vụ quan trọn hàng đầu của Hội.

Hai là, động viên cựu chiến binh nêu cao tinh thần tự lực tự cường; giúp nhau làm kinh tế, cải thiện đời sống; phấn đấu giảm nghèo bền vững, làm giàu hợp pháp. Tham gia tích cực, có hiệu quả vào các chương trình phát triển kinh tế của địa phương, đất nước.

Ba là, thực hiện tốt quy chế phối hợp với Chính phủ và các ban, ngành, đoàn thể; tích cực tham gia các cuộc vận động, các phong trào, các chương trình phát triển văn hóa - xã hội, quốc phòng - an ninh ở địa phương.

Bốn là, vân động, động viên cựu quân nhân tham gia các câu lạc bộ, Ban liên lạc cựu quân nhân, tích cực tham gia các phong trào ở cơ sở.

46

Năm là, chủ động tham gia thực hiện chế độ, chính sách bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Hội viên và cựu chiến binh. Nâng cao hiệu quả tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, tư vấn, trợ giúp pháp lý cho hội viên và cựu chiến binh.

Sáu là, tích cực tham gia giáo dục lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội và

chủ nghĩa anh hùng cách mạng cho thế hệ trẻ.

Bảy là, tích cực tham gia hoạt động đối ngoại nhân dân, góp phần thực hiện

đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước.

Tám là, tập trung xây dựng Hội vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức; đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của tổ chức Hội.

4. Hệ thống tổ chức Hội Cựu chiến binh việt Nam Hệ thống tổ chức hội có 4 cấp:

- Trung ương hội Cựu chiến binh Việt Nam

- Hội Cựu chiến binh tỉnh, thành phố trực thuộc TW

- Hội Cựu chiến binh huyện, quận, thành phố, thị xã thuộc cấp tỉnh - Hội Cựu chiến binh xã phường, thi trấn

Hội Cựu chiến binh còn được tổ chức tại các cơ quan hành chính; đơn vị sự

nghiệp theo Điều lệ hội.

Hội Cựu chiến binh mỗi cấp đặt dưới sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng cùng cấp, chịu sự chỉ đạo của Ban chấp hành hội cấp trên, phối hợp chặt chẽ với cơ quan chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, quân đội, các tổ chức chính trị - xã hội cấp đó và liên hệ gắn bó mật thiết với nhân dân.

47